TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 11/05/2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Lan Hương

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2026/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 216/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2026/QĐXXPT-HNGĐ ngày 26/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Đức V, sinh năm 1954. CCCD số 033054002538.

Địa chỉ: 8 N, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị O, sinh năm 1964. CCCD số 015164006231.

Địa chỉ: D, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

** Theo nguyên đơn ông Bùi Đức V trình bày:*

Ông và bà O tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) ngày 16/10/2013. Trong quá trình chung sống, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không hòa hợp. Hiện nay ông và bà O không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà O.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

** Theo bị đơn bà Vũ Thị O trình bày:*

Bà và ông Bùi Đức V tự nguyện kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ). Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông V ngoại tình, bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2017, mặc dù bà O đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông V ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Bà O yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cụ thể: Năm 2013 Bà O góp vốn với số tiền 800.000.000 đồng vào Công ty TNHH V1, mã số doanh nghiệp C, địa chỉ: Số I T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh do ông Bùi Đức V là người đại diện theo pháp luật và Giám đốc Công ty. Trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH hai thành viên, phần vốn góp của ông V là 1.000.0000.000đ (một tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 56%; phần vốn góp của bà O là 800.000.000đ (T trăm triệu đồng), chiếm tỷ lệ 44%. Phần vốn góp này của bà đã được xác nhận bằng biên lai thu tiền do kế toán công ty ký nhận và phát hành.

Việc quản lý công ty: Bà O tham gia quản lý công ty ở mảng quan hệ đối ngoại, đôn đốc thu hồi nợ. Ông V quản lý sản xuất, tài chính, nhân sự và chi trả lương. Sau tháng 3/2018, ông V đi khỏi nhà, bà O không còn liên lạc được với ông V và ông V tự ý quản lý công ty mà không thông báo cho bà O biết được về các hoạt động kinh doanh, tài chính. Ông V đã sử dụng tài liệu giả mạo để loại bà O ra khỏi Công ty và làm giả giấy tờ chứng minh việc thanh toán vốn góp của bà O. Ông V đã cung cấp các tài liệu giả mạo để lừa dối cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, nhằm hợp thức hóa việc thay đổi thành viên Công ty, đưa bà Nguyễn Thị T1 và ông Bùi Nam A vào thay thế bà O (được thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/6/2019).

Ông Bùi Đức V đã cố tình giả mạo tài liệu và lừa dối cơ quan chức năng để xóa tên bà O khỏi danh sách thành viên của Công ty TNHH V1 mà không có bất kỳ tài liệu hợp pháp nào chứng minh việc thanh toán hay chuyển nhượng phần vốn góp này. Như vậy bà O vẫn là thành viên của Công ty TNHH V1 với phần vốn góp chiếm tỷ lệ 44% vốn góp của Công ty. Tiền góp vốn được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân (sau khi đăng ký kết hôn này 16/10/2023) nên xác định là tài sản chung của vợ chồng bà O, ông V gồm: Phần vốn góp ban đầu là 800.000.000 đồng; phần lợi tức tạm tính theo mức lãi suất ngân hàng từ ngày 24/12/2013 đến ngày 24/02/2025 với mức lãi suất là 10%/năm (được tính là: 800.000.000 đồng x 134 tháng x 0,8333% = 893.297.600 đồng. Như vậy, tài sản chung vợ chồng là 1.693.297.000 đồng.

Bà O yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng là phần vốn góp và lợi tức tính theo lãi suất ngân hàng như trên. Cụ thể chia mỗi người được hưởng 50% giá trị tài

sản nêu trên. Do Công ty TNHH V1 hiện nay do ông Bùi Đức V đang đứng tên với tư cách người đại diện theo pháp luật kiêm Giám đốc Công ty, nên bà O yêu cầu ông V phải thanh toán cho bà O số tiền 846.648.800 đồng.

Về nợ chung: Không có.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 216/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức V đối với bị đơn bà Vũ Thị O về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức V được ly hôn với bà Vũ Thị O.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo của đương sự:

Ngày 10/10/2025, bà Vũ Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 216/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai với yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bên không ai giao nộp thêm chứng cứ mới.

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo luật định, đảm bảo việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71,72 BLTTDS.

4. Về nội dung kháng cáo:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức V và bà Vũ Thị O sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, Tp B (cũ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012 quyển số 01/2013. Nay ông V và bà O đều xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân

không thể kéo dài nên 2 bên đều đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông V ly hôn với bà O là có cơ sở.

- Về con chung: Ông V và bà O không có con chung.

- Về tài sản chung: Ngày 28/7/2025, Tòa án nhân dân TP Biên Hòa ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện (BL145) (đã tống đạt trực tiếp cho bà O ngày 28/7/2025-BL146). Hết thời hạn 10 ngày, bà O không có khiếu nại gì về việc trả lại đơn khởi kiện. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết đối với tài sản chung giữa ông V và bà O là có căn cứ.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Việc bà O kháng cáo cho rằng cần phải xem xét tài sản chung cho bà thì bà mới đồng ý ly hôn. Xét bà O còn có quyền khởi kiện tài sản chung (nếu có) trong vụ án khác, ông V chỉ yêu cầu được xét xử ly hôn với bà O. Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V là phù hợp, có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị O. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị O được thực hiện trong thời hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự: Tại thời điểm ông Bùi Đức V đăng ký kết hôn với bà Vũ Thị O vào ngày 16/10/2013, ông V đang tồn tại quan hệ hôn nhân thực tế với bà Bùi Thị N. Do đó, việc đăng ký kết hôn giữa ông V và bà O thuộc trường hợp vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên vào ngày 26/9/2014, ông Bùi Đức V và Bùi Thị N ly hôn theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 1326/2014/HNGĐ-PT của TAND thành phố Hồ Chí Minh. Từ thời điểm quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà N chấm dứt bằng bản án có hiệu lực pháp luật, ông V và bà O đã có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định pháp luật, thực tế ông V, bà O vẫn tiếp tục chung sống như vợ chồng công khai, ổn định với nhau và ông V, bà O cũng không có ý kiến gì phản đối việc kết hôn hiện tại của chính ông, bà nên hôn nhân của ông V, bà O không còn thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 để giải quyết cho ông V và bà O ly hôn là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà O: Theo hồ sơ vụ án thể hiện, Toà án sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định pháp luật ngày 21/02/2025 (BL 127) nhưng bà O không thực hiện nên ngày 28/7/2025, Tòa án ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện (BL145) là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thuộc trường hợp phải hủy án như kháng cáo của bà O. Mặt khác, việc không xem xét giải quyết tài sản chung vợ chồng trong cùng

vụ án ly hôn không làm mất quyền khởi kiện của bà O bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị O.

[4] Đối với ý kiến của bà O cho rằng Bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng do không ghi nhận họ tên thư ký ghi biên bản phiên toà. Xét chứng cứ hồ sơ vụ án thấy, tại Biên bản phiên toà, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà đều ghi nhận phiên toà diễn ra có sự tham gia của thư ký Nguyễn Thị Tuyết N1 nên việc Bản án sơ thẩm không ghi nhận họ tên thư ký ghi biên bản phiên toà là thiếu sót về mặt chính tả, không phải là vi phạm tố tụng như ý kiến bà O nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà O, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thể thức, chính tả trong bản án. Ngoài ra, trong phần Nhận định của Toà án, mục [3] đối với yêu cầu chia tài sản của bà O đã nêu "Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà O do đã ban hành thông báo trả đơn khởi kiện" nhưng tại mục [4] Toà án sơ thẩm lại tiếp tục nhận định, phân tích về yêu cầu chia tài sản của bà O và nêu nhận định "yêu cầu của bà O không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận" là vượt quá yêu cầu khởi kiện đã thụ lý trong vụ án. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Vũ Thị O chịu án phí là 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị O. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 216/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức V đối với bị đơn bà Vũ Thị O về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức V được ly hôn với bà Vũ Thị O.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Đức V thuộc trường hợp miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà O chịu án phí là 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo Biên lai thu số 0013170 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà O đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- TAND KV1- Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng